

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả  
đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số chính sách tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2370A/TTr-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2016.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2021.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 45/2012/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về một số chính sách hỗ trợ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành liên quan của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã: Thuận An, Tân Uyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**  
**Đã Ký: Mai Hùng Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích khuyến khích**

Quy định này nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển vườn cây ăn quả đặc sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến, tạo mảng xanh bảo vệ môi trường kết hợp với du lịch sinh thái.

#### **Điều 2. Đối tượng, phạm vi, thời gian và qui mô áp dụng**

##### **1. Đối tượng được hưởng chính sách bao gồm**

a) Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có vườn cây ăn quả đặc sản đang thời kỳ kinh doanh, trồng mới hoặc cải tạo trồng mới từ vườn cây già cỗi, vườn tạp kém hiệu quả.

b) Cá nhân, các tổ chức, đơn vị có liên quan đến công tác hỗ trợ phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương.

##### **2. Phạm vi vùng thụ hưởng chính sách**

a) Phạm vi thị xã Thuận An bao gồm 04 phường ven sông Sài Gòn: phường Bình Nhâm, phường Hưng Định, phường An Thạnh và phường An Sơn. Áp dụng cho 05 loại cây: Mãng cụt, Sầu riêng, Dâu, Bòn bon và Mít Tố nữ.

b) Phạm vi xã Bạch Đằng thị xã Tân Uyên. Áp dụng cho 02 loại cây: Bưởi ôi, Bưởi đường lá cam.

##### **3. Thời gian và qui mô áp dụng**

a) Thời gian hỗ trợ của chính sách này là 05 năm (2017 - 2021).

b) Quy mô diện tích được hưởng chính sách: Diện tích vườn từ 500m<sup>2</sup> trở lên.

**Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ**

Đối với các Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (hoặc hợp đồng thuê đất dài hạn) nằm trong vùng hưởng chính sách.
2. Đầu tư vào các hoạt động: Trồng mới, cải tạo trồng mới vườn tạp không hiệu quả, chăm sóc vườn cây kinh doanh, nạo vét hệ thống kênh mương nội đồng, xây dựng thương hiệu sản phẩm.
3. Sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch sử dụng đất của xã, phường, thuộc phạm vi vùng hưởng chính sách quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Chương II  
NỘI DUNG CHÍNH SÁCH****Điều 4. Hỗ trợ trồng mới và thâm canh, chăm sóc vườn**

1. Trồng mới hoặc cải tạo trồng mới từ vườn cây già cỗi, vườn tạp kém hiệu quả
  - a) Hỗ trợ 100% giống.
  - b) Hỗ trợ 50% vật tư nông nghiệp.
  - c) Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha cho kiến thiết vườn trồng mới.
2. Thâm canh, chăm sóc
  - a) Hỗ trợ 50% vật tư nông nghiệp (theo định mức thâm canh, chăm sóc).
  - b) Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha/năm cho công việc chăm sóc, nạo vét kênh mương nội đồng.

**Điều 5. Hỗ trợ cho nhà vườn thất mùa, mất mùa**

1. Hỗ trợ cho nhà vườn thất mùa (năng suất đạt < 60% năng suất bình quân).
  - a) Hỗ trợ 70% vật tư nông nghiệp (theo định mức thâm canh, chăm sóc).
  - b) Hỗ trợ 6.750.000 đồng/ha cho công việc chăm sóc, nạo vét kênh mương nội đồng.
  - c) Việc hỗ trợ thất mùa được thực hiện vào năm tiếp theo của năm bị thất mùa sau khi được Hội đồng thẩm định xã, phường xác nhận và được Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, thị xã Tân Uyên phê duyệt. Các diện tích đã được hỗ trợ theo Điều này thì không được hỗ trợ thâm canh chăm sóc theo Khoản 2, Điều 4 của Quy định này.
2. Hỗ trợ cho nhà vườn mất mùa (không có thu hoạch)
  - a) Hỗ trợ 100% vật tư nông nghiệp.

b) Hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha cho công việc chăm sóc, nạo vét kênh mương nội đồng.

c) Việc hỗ trợ mất mùa được thực hiện vào năm tiếp theo của năm bị mất mùa sau khi được Hội đồng thẩm định xã, phường xác nhận và được Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, thị xã Tân Uyên phê duyệt. Các diện tích đã được hỗ trợ theo Điều này thì không được hỗ trợ thâm canh chăm sóc theo Khoản 2, Điều 4 của Quy định này.

### **Điều 6. Hỗ trợ tư vấn, chỉ đạo kỹ thuật và tập huấn kỹ thuật, tham quan**

1. Hỗ trợ cán bộ tư vấn, chỉ đạo kỹ thuật

a) Hỗ trợ công chỉ đạo kỹ thuật (01 người/phường, xã/tháng) với mức hỗ trợ bằng 02 lần mức lương cơ sở.

b) Tiêu chuẩn cán bộ chỉ đạo kỹ thuật là người có trình độ từ trung cấp Trồng trọt (hoặc Bảo vệ thực vật) trở lên hoặc cán bộ Hội nông dân ở các xã, phường có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2. Hỗ trợ về tập huấn kỹ thuật, tham quan

a) Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn khoa học kỹ thuật.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí tham quan các mô hình cho người sản xuất trong và ngoài tỉnh.

### **Điều 7. Định mức kỹ thuật**

1. Định mức kỹ thuật trồng mới 01 ha

Nội dung	Đơn vị tính	Vườn trồng thuần				Vườn hỗn hợp
		Măng cụt, sầu riêng	Dâu, Bòn bon	Mít tố nữ	Bưởi	
Giống	Cây	164	105	292	278	Trồng từ 02 loại cây trở lên nhưng không quá 200 cây/ha, mức hỗ trợ căn cứ định mức cụ thể theo từng loại cây trồng.
Urê	Kg	61	15	42	44	
Lân Supe	Kg	162	44	122	355	
Kali Sulphate	Kg	58	8	22	30	
Phân HCVS	Kg	312	150	556		
Vôi	Kg	156	100	278	334	
Thuốc xử lý đất	Kg	12	12	12	12	
Thuốc trừ cỏ	Lít	2	2	2	2	
Thuốc BVTV	Kg (Lít)	2	2	2	2	

## 2. Định mức kỹ thuật chăm sóc 01 ha

Nội dung	Đơn vị tính	Vườn trồng thuần				Vườn hỗn hợp
		Măng cụt, sầu riêng	Dâu, Bòn bon	Mít tố nữ	Bưởi	
Urê	kg	163	30	85	134	Trồng từ 02 loại cây trở lên nhưng không quá 200 cây/ha, mức hỗ trợ căn cứ định mức cụ thể theo từng loại cây trồng
Lân Supe	kg	390	88	243	355	
Kali Sulphate	kg	140	14	39	247	
Phân HCVS	kg	624	200	556	500	
Vôi bột	kg				334	
Thuốc xử lý đất	kg	6	6	6	6	
Thuốc trừ cỏ	lít	1	2	2	2	
Thuốc BVTV	kg (lít)	4	2	4	2	

## 3. Định mức kỹ thuật thâm canh 01 ha

Nội dung	Đơn vị tính	Vườn trồng thuần				Vườn hỗn hợp
		Măng cụt, sầu riêng	Dâu, Bòn bon	Mít tố nữ	Bưởi	
Urê	kg	231	54	151	203	Trồng từ 02 loại cây trở lên nhưng không quá 200 cây/ha, mức hỗ trợ căn cứ định mức cụ thể theo từng loại cây trồng
Lân Supe	kg	634	156	434	355	
Kali Sulphate	kg	203	32	89	327	
Phân HCVS	kg	624	300	834	1000	
Vôi bột	kg	156	100	278	500	
Thuốc trừ cỏ	kg	6	6	6	6	
Thuốc BVTV	kg (lít)	6	5	5	6	

4. Đơn giá theo thời điểm hỗ trợ do Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên quyết định.

**Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ hỗ trợ kinh phí**

1. Hỗ trợ kinh phí cho trồng mới và thâm canh, chăm sóc vườn

a) Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký tham gia hỗ trợ vườn cây (Phụ lục 1).
- Bản sao: Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc hợp đồng thuê đất); Giấy chứng minh nhân dân; Hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Trình tự thực hiện

- Hàng năm người sản xuất có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí nộp bộ hồ sơ tại Điểm a Khoản 1 của Điều này đến Ủy ban nhân dân xã, phường nơi được hưởng thụ chính sách. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã, phường xem xét thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và tổng hợp danh sách đăng ký gửi đến Phòng Kinh tế thị xã.

- Sau khi nhận toàn bộ hồ sơ từ Ủy ban nhân dân xã, phường, Phòng Kinh tế thị xã xem xét tổng hợp danh sách, tính toán khối lượng vật tư nông nghiệp và dự toán kinh phí hỗ trợ trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để thẩm định.

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã thẩm định hồ sơ, danh sách, kinh phí hỗ trợ và tổng hợp báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt.

- Trên cơ sở báo cáo tổng hợp của Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, trong thời hạn 10 (mười) ngày. Đồng thời, giao Phòng Kinh tế thị xã làm chủ đầu tư thực hiện chính sách.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, Phòng Kinh tế thị xã tổ chức triển khai các thủ tục hỗ trợ cho người sản xuất trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày.

2. Hỗ trợ kinh phí cho nhà vườn thất mùa và mất mùa

a) Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký tham gia hỗ trợ vườn cây (Phụ lục 1).
- Bản sao: Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc hợp đồng thuê đất); Giấy chứng minh nhân dân; Hộ khẩu.

c) Trình tự thực hiện

- Hàng năm sau khi kết thúc mỗi mùa vụ, nhà vườn bị ảnh hưởng thất mùa hoặc mất mùa nộp bộ hồ sơ tại Điểm a Khoản 2 của Điều này đến Ủy ban nhân dân xã, phường nơi được hưởng thụ chính sách. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã, phường xem xét thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và tổng hợp danh sách đăng ký gửi đến Phòng Kinh tế thị xã.

- Sau khi nhận toàn bộ hồ sơ từ Ủy ban nhân dân xã, phường, Phòng Kinh tế thị xã xem xét tổng hợp danh sách, tính toán khối lượng vật tư nông nghiệp và dự toán kinh phí hỗ trợ trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã để thẩm định.

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã thẩm định hồ sơ, danh sách, kinh phí hỗ trợ và tổng hợp báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt

- Trên cơ sở báo cáo tổng hợp của Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, trong thời hạn 10 (mười) ngày. Đồng thời giao Phòng Kinh tế thị xã làm chủ đầu tư thực hiện chính sách.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, Phòng Kinh tế thị xã tổ chức triển khai các thủ tục hỗ trợ cho người sản xuất trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày.

**Điều 9. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Hỗ trợ về tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả đặc sản.
2. Xây dựng chuyên mục “Vườn cây ăn quả đặc sản Mãng cụt Lái Thiêu và Bưởi Bạch Đằng” trên website của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
3. Phối hợp với các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên trong việc triển khai thực hiện chính sách; định kỳ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các quy định của chính sách.
4. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.



**Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính**

1. Căn cứ quy định phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách bố trí kinh phí theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm để thực hiện chính sách.

2. Có văn bản hướng dẫn cụ thể mức kinh phí, thời gian, thẩm quyền “Hỗ trợ công chỉ đạo kỹ thuật (01 người/phường, xã/tháng) với mức hỗ trợ bằng 02 lần mức lương cơ sở”.

**Điều 12. Sở Công thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.**

Thực hiện việc quảng bá thương hiệu, triển lãm sản phẩm, xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch sinh thái thu hút các thành phần kinh tế tham gia.

**Điều 13. Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên**

1. Thành lập Ban chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách.

2. Chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành, liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm của địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2021 trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu hàng năm.

3. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền nội dung và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2021.

4. Xem xét, quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng sai mục đích.

5. Định kỳ 01 năm báo cáo tiến độ thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

**Điều 14. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

1. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng chính sách.

2. Thành lập Hội đồng thẩm định xã, phường xem xét, thẩm định hồ sơ và tổng hợp danh sách đăng ký với Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên kế hoạch nhu cầu hỗ trợ theo chính sách hàng năm.

3. Căn cứ tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 của Quy định này, ký hợp đồng với cán bộ kỹ thuật gửi Phòng Kinh tế thị xã, làm cơ sở để hưởng hỗ trợ công chỉ đạo kỹ thuật theo Điểm a, Khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

4. Định kỳ kiểm tra, giám sát các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện chính sách. Tham mưu, kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên thu hồi kinh phí hỗ trợ sử dụng sai mục đích.

**Điều 15. Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chính sách**

1. Để được hỗ trợ kinh phí tại Khoản 1, 2 Điều 4 của Quy định này theo đúng mùa vụ sản xuất, vào tháng 11 hàng năm tổ chức, cá nhân phải đăng ký với Ủy ban dân dân xã, phường theo trình tự thủ tục tại Khoản 1, Điều 8 của Quy định này. Đối với hỗ trợ tại Khoản 1, 2 Điều 5 của Quy định này, sau khi kết thúc mùa vụ nếu bị ảnh hưởng thất mùa hoặc mất mùa tổ chức, cá nhân đăng ký với Ủy ban dân dân xã, phường theo trình tự thủ tục tại Khoản 2, Điều 8 của Quy định này.

2. Cam kết thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của quy định này, khi vi phạm cam kết phải hoàn trả 100% kinh phí được hỗ trợ.

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, đánh giá việc tổ chức thực hiện chính sách hàng năm để kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có sự không phù hợp với thực tế Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**  
**Đã Ký: Mai Hùng Dũng**

**Phụ lục 1****PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA HỖ TRỢ VƯỜN CÂY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA HỖ TRỢ VƯỜN CÂY**

Kính gửi: UBND xã (phường).....

**I. Thông tin chung**

Hộ vườn cây (chữ in) ..... Sinh năm:.....

Nghề nghiệp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Địa chỉ vườn cây: .....

Điện thoại: .....

Năm thành lập vườn cây: .....

Diện tích (m<sup>2</sup>): .....

**II. Chủng loại - Số lượng từng loại cây ăn trái có trong vườn:****1. Mãng cụt: ..... cây, trong đó:**

Trồng mới:.....cây

Giai đoạn thu hoạch: .....cây;

Giai đoạn chăm sóc: .....cây;

Năng suất:.....tạ/ha

**2. Sầu riêng: .....cây, trong đó:**

Trồng mới:.....cây

Giai đoạn thu hoạch: .....cây;

Giai đoạn chăm sóc: .....cây;

Năng suất:.....tạ/ha

**3. Dâu:..... cây, trong đó:**

Trồng mới:.....cây

Giai đoạn thu hoạch: .....cây;

Giai đoạn chăm sóc: .....cây;

Năng suất:.....tạ/ha

**4. Bòn bon: .....cây, trong đó:**

Trồng mới:.....cây

Giai đoạn thu hoạch: .....cây;

Giai đoạn chăm sóc: .....cây;

Năng suất:.....tạ/ha

**5. Mít: .....cây, trong đó:**

Trồng mới:.....cây

Giai đoạn thu hoạch: .....cây;

Giai đoạn chăm sóc: .....cây;

Năng suất:.....tạ/ha

**6. Bưởi:.....cây, trong đó:**

Trồng mới:.....cây

Giai đoạn thu hoạch: .....cây;

Giai đoạn chăm sóc: .....cây;

Năng suất:.....tạ/ha

**III. Mương vườn: .....mương,**

- Chiều rộng mương: .....m, tổng chiều dài: .....m.

- Cổng bọng riêng cho vườn cây: Có :  Không: 

- Thời gian ngập trong năm: Tháng: ..... Thời gian ngập: ..... ngày

- Lý do ngập: Theo triều ; Trời mưa: 

- Tứ cận khu vườn giáp ranh:

+ Đông: .....

+ Tây:.....

+ Nam:.....

+ Bắc: .....

**IV. Nội dung đăng ký hỗ trợ**

- Trồng mới: ; - Thâm canh, chăm sóc: ; - Thất mùa: ; - Mất mùa:

Cam kết: Cam kết thực hiện sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch sử dụng đất của xã, phường, thị xã, sử dụng kinh phí hỗ trợ vào Đầu tư vào các hoạt động: Trồng mới, cải tạo trồng mới vườn tạp không hiệu quả, chăm sóc vườn cây kinh doanh, nạo vét hệ thống kênh mương nội đồng, khi vi phạm cam kết hoàn trả 100% kinh phí được hỗ trợ./.

.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Chủ hộ**